TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ- ST
Ngày: 06/9/2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Tám và ông Lò Văn Sung -
Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Quàng Thị C; Sinh năm: 1982;
Địa chỉ: Bản N1, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; (Vắng mặt)
2. Bị đơn: Anh Đèo Văn Th; Sinh năm: 1978;
Địa chỉ: Bản N1, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/3/2021 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Quàng Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị C và anh Đèo Văn Th kết hôn năm 2001 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mường Nhà, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Th ăn chơi, đi làm không mang kinh tế về cùng chị C để chi tiêu chung mà toàn tự chi tiêu. Cuộc sống chung không hạnh phúc, hai vợ chồng thường xuyên đánh, cãi, chửi nhau. Xét thấy tình cảm không còn chị C đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th;

Về con chung: anh chị có hai con chung là cháu Đèo Thị Th1 sinh ngày 16/8/2003 và cháu Đèo Văn T sinh ngày 15/11/2011, tại thời điểm khởi kiện chị C đề nghị giải quyết theo qui định của pháp luật. Đến thời điểm xét xử chị C có ý kiến: Đối với cháu Th1 hiện đã đủ tuổi trưởng thành và tự lao động làm ăn nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết. Đối với cháu T hiện cháu đã về sống với ông bà

nội và bố cháu. Cháu có nguyện vọng ở với anh Th do vậy chị đề nghị giao cháu cho bố cháu nuôi dưỡng; không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Chị C không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Th, đã triệu tập anh Th đến Tòa án để giải quyết vụ việc nhưng anh Th vẫn vắng mặt không có lý do, không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa giải quyết vụ việc theo qui định.

Anh Th có gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình tới Tòa án qua đường bưu điện với nội dung: Anh Th đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, Anh cho rằng do không có thu nhập cho gia đình anh phải đi làm ăn xa nhà. Ngày 6/2/2021 anh Th về thì không biết chị C bỏ đi đâu, sau đó thì phát hiện chị C ở nhà bà ngoại, anh Th và bố mẹ có đến bảo về nhưng chị C không gặp, không về. Anh Th cho rằng anh không mắng, đánh đập gì chị. Do chị C tự bỏ đi nên không xứng đáng nuôi con, anh không cho chị nuôi. Việc ly hôn anh Th xin cho thời gian vì dịch bệnh.

Tòa án tiến hành xác minh tại nơi cư trú của hai vợ chồng xác định: Hai vợ chồng chị C và anh Th chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn từ năm 2013. Nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm bất đồng, hai vợ chồng không cùng nhau vun vén kinh tế, thường xuyên đánh cãi, chửi nhau. Anh Th đi làm thuê, chị C làm ruộng, hai vợ chồng có thu nhập Tơng đương nhau. Chị C trước về ở với bố mẹ đẻ, bây giờ đã ở riêng. Hai anh chị có hai con chung, các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện cháu Đèo Thị Th1 đã trưởng thành và có khả năng lao động. Cháu Đèo Văn T trước ở với chị C, nay ở với ông bà nội và bố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên khẳng định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đảm bảo đúng qui định; Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; Bị đơn không có mặt theo sự triệu tập của Tòa án là vi phạm qui định tại điều 70, 72 BLTTDS. Đại điện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 điều 53, khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị C được ly hôn với anh Th; áp dụng các điều 58, 69, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 giao cháu T cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Không đề cập giải quyết đối với cháu Th1; áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 cho chị C được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Ngày 10/5/2021 chị Quàng Thị C nộp đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2021 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với anh Đèo Văn Th; Địa chỉ: Bản Na Tông 1, xã Na Tông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Chị C có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngày 10/5/2021 chị C được chấp nhận miễn tiền tạm ứng án

phí, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị C theo khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Quàng Thị C và anh Đèo Văn Th thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Anh Th được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa, chị C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử chăn cứ điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xetx xử vắng mặt đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Về hôn nhân: Chị Quàng Thị C và anh Đèo Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mường Nhà, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên vào năm 2001, các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị C, anh Th là hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì thường xuyên xẩy ra mâu thuẫn từ năm 2013. Nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm bất đồng, hai vợ chồng không cùng nhau vun vén kinh tế, thường xuyên đánh cãi, chửi nhau. Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú đã xác nhận tình trạng mâu thuẫn của hai anh chị. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc hai vợ chồng không còn hạnh phúc, có mâu thuẫn là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định hai anh chị đã vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng, dẫn đến không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị C, giải quyết cho ly hôn giữa chị C với anh Th.

Về con chung: Chị C và anh Th có hai con chung là cháu Đèo Thị Th1 sinh ngày 16/8/2003 và cháu Đèo Văn T sinh ngày 15/11/2011, tại thời điểm xét xử cháu Th1 đã đủ tuổi trưởng thành và tự lao động làm ăn nên chị C không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử thấy đủ căn cứ lời trình bày của chị là đúng, nên không đề cập giải quyết. Đối với cháu T hiện cháu đã về sống với ông bà nội và bố cháu. Cháu có nguyện vọng ở với anh Th, anh Th cũng không đồng ý để chị C nuôi dưỡng, Chị C đồng ý giao cháu cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng; Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ các qui định tại điều 58, điều 69, các khoản 1, 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 giao cháu T cho anh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Các đương sự không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét.

Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về Án phí: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cho chị C được miễn tiền án phí dân

sự sơ thẩm của vụ án vì là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, các khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 1 điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quàng Thị C, cho ly hôn giữa chị Quàng Thị C và anh Đèo Văn Th.

2. Về con chung: Đối với cháu Đèo Thị Th1 sinh ngày 16/8/2003 đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động nên không đề cập giải quyết.

Giao con chung là cháu Đèo Văn T sinh ngày 15/11/2011 cho anh Đèo Văn Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không đề cập giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: miễn cho chị Quàng Thị C tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Ngọc

Nơi nhận:
- *VKSND HĐB;*
- *UBND xã Mường Nhà;*
- *Chi cục THADS HĐB;*
- *Tòa án tỉnh ĐB;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VP;*